

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Đoàn Kết 1**

(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025 )

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	LÝ TRỌNG HUÂN	1	07/03/1983	Xóm Đoàn Kết 1	105	30	Hộ nghèo
2	LƯƠNG THỊ HỒNG	2	20/05/1947	Xóm Đoàn Kết 1	170		Hộ không nghèo
3	LƯƠNG VĂN THÁI	1	01/07/1994	Xóm Đoàn Kết 1	170		Hộ không nghèo
4	HOÀNG VĂN LUẬN	1	04/04/1974	Xóm Đoàn Kết 1	110	20	Hộ cận nghèo
5	TRẦN THỊ PHƯƠNG	2	08/08/1980	Xóm Đoàn Kết 1	130	50	Hộ nghèo
6	PHẠM THỊ TUÂN	2	20/09/1964	Xóm Đoàn Kết 1	120	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	1	12/02/1981	Xóm Đoàn Kết 1	160		Hộ không nghèo
2	NGUYỄN THỊ HUYỀN	2	06/12/1973	Xóm Đoàn Kết 1	135	10	Hộ cận nghèo
3	NGUYỄN VĂN QUYẾT	1	23/09/1979	Xóm Đoàn Kết 1	135	20	Hộ cận nghèo
4	NGUYỄN VĂN TUÂN	1	12/02/1981	Xóm Đoàn Kết 1	140	10	Hộ cận nghèo
5	LƯƠNG YẾN THANH	1	30/04/1966	Xóm Đoàn Kết 1	140	20	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 03 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 05 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Đoàn Kết 2**  
(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025 )

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	I	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	1	26/10/1984	Xóm Đoàn Kết 2	140	10	Hộ cận nghèo
2	HÀ THỊ HOA	2	05/10/1962	Xóm Đoàn Kết 2	130	30	Hộ nghèo
3	TRẦN THỊ DU	2	10/08/1963	Xóm Đoàn Kết 2	140	10	Hộ cận nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	PHẠM THỊ ANH	2	21/02/1976	Xóm Đoàn Kết 2	165		Hộ không nghèo
2	TRẦN VĂN TỈNH	1	20/08/1989	Xóm Đoàn Kết 2	165		Hộ không nghèo
3	LƯƠNG VĂN MẦN	2	19/07/1962	Xóm Đoàn Kết 2	135	10	Hộ cận nghèo
4	NGUYỄN THỊ THU	1	20/07/1952	Xóm Đoàn Kết 2	140	10	Hộ cận nghèo
5	THÁI VĂN NHÂN	2	08/08/1982	Xóm Đoàn Kết 2	150		Hộ không nghèo
6	TRẦN VĂN ĐOÀN	2	08/04/1990	Xóm Đoàn Kết 2	135	10	Hộ cận nghèo
7	LƯƠNG VĂN PHƯƠNG	2	06/04/1965	Xóm Đoàn Kết 2	135	20	Hộ cận nghèo
8	NGUYỄN THỊ BA	1	12/12/1939	Xóm Đoàn Kết 2	170		Hộ không nghèo
9	NGUYỄN VĂN TOÀN	2	05/01/1947	Xóm Đoàn Kết 2	140	10	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 01 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 07 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 04 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Quán Vuông 1**  
(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025 )

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN THỊ NGỌ	2	20/06/1944	Xóm Quán Vuông 1	115	40	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN VĂN CHUNG	1	19/02/1968	Xóm Quán Vuông 1	150		Hộ không nghèo
2	NGUYỄN VĂN YẾN	1	03/03/1970	Xóm Quán Vuông 1	135	10	Hộ cận nghèo
3	NGUYỄN TIẾN DŨNG	1	27/03/1975	Xóm Quán Vuông 1	140	20	Hộ cận nghèo
4	NGUYỄN THỊ LIỄU	2	10/10/1968	Xóm Quán Vuông 1	150		Hộ không nghèo
Kết quả phân loại sau khi rà soát		- Có: 01 hộ nghèo; - Có: 02 hộ cận nghèo; - Có: 02 hộ không nghèo.					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Quán Vuông 2**

(Kèm theo Thông báo số:74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	VŨ QUANG DÀN	1	02/04/1964	Xóm Quán Vuông 2	115	30	Hộ nghèo
2	BÙI THỊ NHỌN	2	20/11/1974	Xóm Quán Vuông 2	125	10	Hộ cận nghèo
3	HOÀNG MINH TUẤN	1	27/11/1986	Xóm Quán Vuông 2	100	30	Hộ nghèo
4	TRẦN THI HOA	2	01/01/1947	Xóm Quán Vuông 2	120	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	PHẠM BÁ LÊ	1	05/03/1964	Xóm Quán Vuông 2	115	10	Hộ cận nghèo
2	HOÀNG THẾ DINH	1	29/05/1951	Xóm Quán Vuông 2	120	10	Hộ cận nghèo
3	NGUYỄN XUÂN THUỘC	1	02/03/1948	Xóm Quán Vuông 2	115	20	Hộ cận nghèo
4	NGUYỄN THỊ QUYÊN	2	08/01/1980	Xóm Quán Vuông 2	135	10	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 03 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 05 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 0 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Quán Vuông 3**

(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025 )

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	ĐÌNH NGỌC LÃNG	1	02/02/1966	Xóm Quán Vuông 3	105	30	Hộ nghèo
2	TRƯƠNG ĐĂNG THỰC	1	19/12/1979	Xóm Quán Vuông 3	170		Hộ không nghèo
3	PHÍ THỊ THANH	2	20/04/1954	Xóm Quán Vuông 3	75	30	Hộ nghèo
4	NGUYỄN VĂN PHONG	1	21/03/1977	Xóm Quán Vuông 3	100	10	Hộ cận nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	HỒ MẠNH HÙNG	1	28/08/1972	Xóm Quán Vuông 3	140	20	Hộ cận nghèo
2	NGUYỄN THỊ NHUÂN	2	07/07/1949	Xóm Quán Vuông 3	125	10	Hộ cận nghèo
3	TRẦN THỊ LÊ	2	27/07/1969	Xóm Quán Vuông 3	135	20	Hộ cận nghèo
4	HỒ QUÝ QUÂN	1	17/06/1949	Xóm Quán Vuông 3	160		Hộ không nghèo
5	THÁI MINH LỢI	1	27/07/1947	Xóm Quán Vuông 3	140	20	Hộ cận nghèo
6	TRƯƠNG THỊ NGÀ	2	19/09/1961	Xóm Quán Vuông 3	130	20	Hộ cận nghèo
7	NGUYỄN THỊ VANH	2	08/02/1957	Xóm Quán Vuông 3	135	10	Hộ cận nghèo
8	TRÀ ĐỨC THÀNH	1	18/12/1974	Xóm Quán Vuông 3	120	20	Hộ cận nghèo
Kết quả phân loại sau khi rà soát		- Có: 02 hộ nghèo; - Có: 08 hộ cận nghèo; - Có: 02 hộ không nghèo.					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Quán Vuông 4**  
(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	TẠ THỊ NGUYỆT	2	27/06/1986	Xóm Quán Vuông 4	130	30	Hộ nghèo
2	ĐÀO THỊ LAN	2	10/01/1962	Xóm Quán Vuông 4	135	10	Hộ cận nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	LƯU TIẾN QUÝ	1	20/07/1940	Xóm Quán Vuông 4	135	10	Hộ cận nghèo
2	HÀ VĂN ĐỨC	1	05/04/1953	Xóm Quán Vuông 4	150		Hộ không nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 01 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 02 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 01 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Nà Khao**

(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	DƯƠNG VĂN HÙNG	1	20/01/1984	Xóm Nà Khao	105	30	Hộ nghèo
2	NGUYỄN THỊ HUỆ	2	08/08/1975	Xóm Nà Khao	135	30	Hộ nghèo
3	HÀ THỊ TIỀN	2	09/12/1989	Xóm Nà Khao	130	30	Hộ nghèo
4	LÝ MẠNH HÙNG	1	18/04/1985	Xóm Nà Khao	130	10	Hộ cận nghèo
5	ĐINH THỊ LAI	2	19/08/1958	Xóm Nà Khao	130	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	TRIỆU VĂN QUAN	1	29/09/1962	Xóm Nà Khao	95	20	Hộ cận nghèo
2	DƯƠNG THỊ PHÚ	2	12/05/1963	Xóm Nà Khao	130	10	Hộ cận nghèo
3	DƯƠNG VĂN NGỌ	1	24/04/1990	Xóm Nà Khao	130	10	Hộ cận nghèo
4	PHÙNG ĐỨC KỶ	1	08/05/1988	Xóm Nà Khao	165		Hộ không nghèo
5	NGUYỄN THỊ DUNG	2	21/01/1984	Xóm Nà Khao	150		Hộ không nghèo
6	TRIỆU VĂN CƯƠNG	1	20/07/1988	Xóm Nà Khao	155		Hộ không nghèo
7	TRIỆU VĂN HỒ	1	10/01/1947	Xóm Nà Khao	140	20	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 04 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 05 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Trung Kiên**

(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo</b>						
1	ĐẶNG VĂN CHƯỢNG	1	12/03/1933	Xóm Trung Kiên	130	40	Hộ nghèo
2	NGUYỄN VĂN HOAN	1	08/11/1985	Xóm Trung Kiên	140	30	Hộ nghèo
3	ĐẶNG PHI HÙNG	1	11/05/1960	Xóm Trung Kiên	175		Hộ không nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo</b>						
1	MA HUY NAM	1	03/07/1982	Xóm Trung Kiên	170		Hộ không nghèo
2	TRẦN VĂN ĐẠO	2	25/01/1992	Xóm Trung Kiên	140	10	Hộ cận nghèo
3	HÀ TIẾN KHIÊM	1	18/02/1979	Xóm Trung Kiên	140	20	Hộ cận nghèo
4	NGUYỄN VĂN THỤ	1	04/05/1974	Xóm Trung Kiên	175		Hộ không nghèo
5	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	1	04/12/1989	Xóm Trung Kiên	140	20	Hộ cận nghèo
<b>III</b>	<b>Hộ gia đình có giấy đề nghị qua sàng lọc phiếu A có dưới 4 chỉ tiêu</b>						
1	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	2	19/08/2004	Xóm Trung Kiên	140	30	Hộ nghèo
Kết quả phân loại sau khi rà soát		- Có: 03 hộ nghèo; - Có: 03 hộ cận nghèo; - Có: 03 hộ không nghèo.					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Thông Nhất**  
(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	PHẠM THỊ CẬN	2	21/09/1945	Xóm Thông Nhất	110	30	Hộ nghèo
2	NGUYỄN THỊ THỨ	2	10/01/1962	Xóm Thông Nhất	125	30	Hộ nghèo
3	MẠC THỊ VIÊN	2	26/12/1952	Xóm Thông Nhất	120	30	Hộ nghèo
4	DƯƠNG THỊ CHÍ	2	05/08/1958	Xóm Thông Nhất	155		Hộ không nghèo
5	MA VĂN SINH	1	05/07/1961	Xóm Thông Nhất	130	30	Hộ nghèo
6	LỘC THỊ TÀI	2	11/04/1963	Xóm Thông Nhất	130	30	Hộ nghèo
7	MẠC THỊ HIỀN	2	05/09/1950	Xóm Thông Nhất	140	20	Hộ cận nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NINH CÔNG CƯỜNG	1	06/04/1962	Xóm Thông Nhất	130	20	Hộ cận nghèo
2	NGUYỄN THỊ VIỆC	2	05/02/1958	Xóm Thông Nhất	165		Hộ không nghèo
3	NGUYỄN VĂN TOÀN	1	15/08/1985	Xóm Thông Nhất	150		Hộ không nghèo
4	ĐÀO VĂN THỰC	1	02/02/1947	Xóm Thông Nhất	140	20	Hộ cận nghèo
5	MA THỊ THANH	2	11/11/1960	Xóm Thông Nhất	155		Hộ không nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 05 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 04 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Làng Mố**

(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	ĐỖ HOÀNG CHIẾN	1	02/02/1993	Xóm Làng Mố	125	30	Hộ nghèo
2	ĐỖ VĂN KIM	1	08/08/1960	Xóm Làng Mố	115	30	Hộ nghèo
3	MẠC NGỌC THOÁN	1	13/08/1989	Xóm Làng Mố	105	30	Hộ nghèo
4	MẠC THỊ THÊU	2	19/02/1986	Xóm Làng Mố	120	30	Hộ nghèo
5	MA VĂN TRỌNG	1	30/03/1987	Xóm Làng Mố	125	30	Hộ nghèo
6	PHÙNG THỊ HẬU	2	22/10/1970	Xóm Làng Mố	140	10	Hộ cận nghèo
7	MA VĂN SINH	1	29/02/1960	Xóm Làng Mố	115	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA VĂN ĐÔ	1	01/05/1961	Xóm Làng Mố	175		Hộ không nghèo
2	MA ĐÌNH NGỌC	1	26/08/1951	Xóm Làng Mố	105	20	Hộ cận nghèo
3	MA VĂN ĐOÀN	1	03/02/1988	Xóm Làng Mố	120	10	Hộ cận nghèo
4	MAI KHÁNH PHƯƠNG	1	15/11/1961	Xóm Làng Mố	115	10	Hộ cận nghèo
5	MA NGỌC ĐỘNG	1	24/12/1971	Xóm Làng Mố	165		Hộ không nghèo
6	LÊ ĐỨC THIỆN	1	04/12/1970	Xóm Làng Mố	155		Hộ không nghèo
7	MA ĐÌNH TÙNG	1	22/07/1974	Xóm Làng Mố	110	10	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 06 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 05 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Trung Tâm**  
(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát			Ghi chú
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại	
A	B	1	2	3	4	5	6	
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>							
1	BÙI THỊ MÍT	2	09/09/1939	Xóm Trung Tâm	140	20	Hộ cận nghèo	
2	MA THỊ KIỀU	2	12/07/1963	Xóm Trung Tâm	135	30	Hộ nghèo	
3	MA HỒNG QUÂN	1	13/08/1990	Xóm Trung Tâm	145		Hộ không nghèo	
4	MA VĂN HỮU	1	17/03/1977	Xóm Trung Tâm	95	10	Hộ cận nghèo	
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>							
1	MẠC VĂN NGHĨA	1	15/04/1952	Xóm Trung Tâm	165		Hộ không nghèo	
2	MẠC VĂN GIA	1	01/03/1981	Xóm Trung Tâm	235		Hộ không nghèo	
3	MA KHẮC GIANG	2	06/12/1979	Xóm Trung Tâm	180		Hộ không nghèo	
4	MA VĂN THIỆN	3	05/12/1976	Xóm Trung Tâm			Hộ không nghèo	Hộ có đơn xin thoát nghèo
5	MA THỊ ĐƯỜNG	2	28/12/1962	Xóm Trung Tâm	210		Hộ không nghèo	
6	MA VĂN HÙNG	1	04/03/1980	Xóm Trung Tâm	135	20	Hộ cận nghèo	
<b>III</b>	<b>Hộ gia đình có giấy đề nghị qua sàng lọc phiếu A có dưới 4 chỉ tiêu</b>							
1	MA VĂN DUY	1	13/01/1990	Xóm Trung Tâm	140	10	Hộ cận nghèo	
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		- Có: 01 hộ nghèo; - Có: 04 hộ cận nghèo; - Có: 06 hộ không nghèo.						

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Hợp Thành**

(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	LỘC MẠNH VIỆT	1	02/02/1974	Xóm Hợp Thành	110	20	Hộ cận nghèo
2	TRẦN MINH PHƯƠNG	1	17/03/1983	Xóm Hợp Thành	125	20	Hộ cận nghèo
3	MA THỊ HÒA	2	02/04/1979	Xóm Hợp Thành	130	10	Hộ cận nghèo
4	LÊ THỊ HOA	2	25/02/1979	Xóm Hợp Thành	125	20	Hộ cận nghèo
5	MA VĂN LIÊN	1	22/12/1967	Xóm Hợp Thành	130	30	Hộ nghèo
6	MA THỊ PHẤN	2	15/12/1958	Xóm Hợp Thành	140	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA NGỌC MIỀN	1	14/01/1981	Xóm Hợp Thành	170		Hộ không nghèo
2	MA THỊ VANG	2	21/03/1961	Xóm Hợp Thành	125	30	Hộ nghèo
3	MA THỊ RỪ	2	27/07/1951	Xóm Hợp Thành	160		Hộ không nghèo
4	MA THỊ LỢI	2	15/12/1964	Xóm Hợp Thành	130	20	Hộ cận nghèo
5	LỘC VĂN NGHI	1	01/01/1956	Xóm Hợp Thành	120	20	Hộ cận nghèo
6	NGUYỄN THỊ THẨM	2	03/02/1979	Xóm Hợp Thành	115	10	Hộ cận nghèo
7	MA VĂN TUẤN	1	17/11/1973	Xóm Hợp Thành	180		Hộ không nghèo
8	MA THỊ TÌNH	2	02/02/1969	Xóm Hợp Thành	185		Hộ không nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 03 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 07 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 04 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Hội Tiến**  
(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN THỊ BÌNH	2	25/05/1955	Xóm Hội Tiến	135	30	Hộ nghèo
2	BÙI THỊ HÀ	2	10/02/1951	Xóm Hội Tiến	115	60	Hộ nghèo
3	LÊ ĐÌNH CHƯƠNG	1	22/12/1980	Xóm Hội Tiến	125	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	HOÀNH NGỌC QUÁT	1	21/12/1945	Xóm Hội Tiến	125	20	Hộ cận nghèo
2	NGUYỄN VĂN MƯỜI	1	09/05/1986	Xóm Hội Tiến	100	30	Hộ nghèo
3	TRẦN ĐỨC THOÁT	1	05/10/1973	Xóm Hội Tiến	120	10	Hộ cận nghèo
4	ĐẶNG NGỌC NGUYÊN	1	15/07/1952	Xóm Hội Tiến	110	20	Hộ cận nghèo
5	NGUYỄN ĐĂNG VĂN	1	24/08/1990	Xóm Hội Tiến	135	10	Hộ cận nghèo
6	LÊ XUÂN NGHIỆP	1	20/01/1968	Xóm Hội Tiến	205		Hộ không nghèo
7	VŨ VĂN HIỀN	1	02/03/1955	Xóm Hội Tiến	120	10	Hộ cận nghèo
8	VŨ THỊ CHÉN	2	24/04/1948	Xóm Hội Tiến	125	20	Hộ cận nghèo
9	HOÀNG THỊ TIẾN	2	09/10/1931	Xóm Hội Tiến	115	10	Hộ cận nghèo
10	PHẠM VĂN BIÊN	2	09/02/1928	Xóm Hội Tiến	135	20	Hộ cận nghèo
11	NGUYỄN THANH TÙNG	1	20/03/1993	Xóm Hội Tiến	155		Hộ không nghèo
12	NGUYỄN THỊ NHÀI	2	05/10/1942	Xóm Hội Tiến	120	20	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 04 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 09 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 02 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Chứ 1**

(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA THỊ GIỐNG	2	18/11/1945	Xóm Chứ 1	130	30	Hộ nghèo
2	MA THỊ TỖ	2	21/11/1930	Xóm Chứ 1	115	40	Hộ nghèo
3	PHAN THỊ THÀNH	2	12/06/1953	Xóm Chứ 1	120	30	Hộ nghèo
4	MA VĂN HOAN	1	15/02/1950	Xóm Chứ 1	105	40	Hộ nghèo
5	LÊ VĂN TỶ	1	19/01/1928	Xóm Chứ 1	120	30	Hộ nghèo
6	LÊ ĐÌNH ĐẰM	1	01/11/1944	Xóm Chứ 1	125	30	Hộ nghèo
7	LÊ THỊ TUÂN	2	15/06/1964	Xóm Chứ 1	135	30	Hộ nghèo
8	VŨ NGỌC LÂM	1	12/01/1950	Xóm Chứ 1	125	20	Hộ cận nghèo
9	NGUYỄN THỊ NHAU	2	25/10/1960	Xóm Chứ 1	120	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	LÊ ĐÌNH TUẤN	1	19/05/1982	Xóm Chứ 1	140	20	Hộ cận nghèo
2	LÊ THỊ PHƯƠNG	1	21/10/1992	Xóm Chứ 1	135	10	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 08 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 0 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Chú 2**

(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA DOÃN CHUA	1	04/09/1948	Xóm Chú 2	115	30	Hộ nghèo
2	LÊ THỊ HIỀN	2	01/01/1964	Xóm Chú 2	120	40	Hộ nghèo
3	LÊ THỊ HOA	2	15/11/1960	Xóm Chú 2	120	30	Hộ nghèo
4	MA DOÃN TUYẾN	1	25/06/1952	Xóm Chú 2	110	10	Hộ cận nghèo
5	MA DOÃN CHANH	1	24/01/1945	Xóm Chú 2	110	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	HÀ THỊ PHIẾN	2	28/10/1955	Xóm Chú 2	135	20	Hộ cận nghèo
2	MA THỊ HIỀN	2	08/07/1977	Xóm Chú 2	105	20	Hộ cận nghèo
3	LÊ ĐÌNH HÀO	1	26/03/1986	Xóm Chú 2	160		Hộ không nghèo
4	MA DOÃN CÁN	1	09/09/1941	Xóm Chú 2	180		Hộ không nghèo
<b>III</b>	<b>Hộ gia đình có giấy đề nghị qua sàng lọc phiếu A có dưới 4 chỉ tiêu</b>						
1	HỨA VĂN DŨNG	1	20/05/1961	Xóm Chú 2	120	30	Hộ nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 05 hộ nghèo; - Có: 03 hộ cận nghèo; - Có: 02 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Bộc Nhiêu**

(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	VŨ THỊ GIANG	2	10/03/1954	Xóm Bộc Nhiêu	120	10	Hộ cận nghèo
2	HOÀNG THỊ DẪN	2	03/10/1957	Xóm Bộc Nhiêu	110	40	Hộ nghèo
3	PHẠM THỊ GÁI	2	24/11/1958	Xóm Bộc Nhiêu	110	30	Hộ nghèo
4	LÊ XUÂN MẠNH	1	08/03/1979	Xóm Bộc Nhiêu	105	20	Hộ cận nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	PHẠM THỊ QUANG	2	13/02/1940	Xóm Bộc Nhiêu	140	20	Hộ cận nghèo
<b>III</b>	<b>Hộ gia đình có giấy đề nghị qua sàng lọc phiếu A có dưới 4 chỉ tiêu</b>						
1	LÊ CÔNG VỤ	1	23/10/1955	Xóm Bộc Nhiêu	125	20	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 02 hộ nghèo; - Có: 04 hộ cận nghèo; - Có: 0 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Rịn**  
(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	2	24/06/1981	Xóm Rịn	145		Hộ không nghèo
2	LÝ THỊ DỪA	2	12/05/1979	Xóm Rịn	150		Hộ không nghèo
3	MA THỊ HIẾN	2	25/10/1971	Xóm Rịn	250		Hộ không nghèo
4	LÊ THỊ HƯỜNG	2	01/04/1986	Xóm Rịn	120	30	Hộ nghèo
5	ĐƯỜNG VĂN QUYỀN	1	27/09/1983	Xóm Rịn	195		Hộ không nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MÃ THỊ HOÀN	2	28/10/1975	Xóm Rịn	190		Hộ không nghèo
2	HOÀNG VĂN HỢP	1	07/09/1978	Xóm Rịn	135	20	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 01 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 01 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 05 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Hợp Tiến**  
(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	LƯU VIỆT CHUNG	1	16/10/1989	Xóm Hợp Tiến	95	30	Hộ nghèo
2	BÙI THỊ BẦY	1	30/08/1955	Xóm Hợp Tiến	130	30	Hộ nghèo
3	DƯƠNG VĂN CHANH	1	28/08/1968	Xóm Hợp Tiến	160		Không nghèo
4	MA KHÁNH HỢP	1	10/08/1984	Xóm Hợp Tiến	110	30	Hộ nghèo
5	BÙI THỊ MÍM	2	20/02/1955	Xóm Hợp Tiến	120	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN VIỆT ĐÀM	1	06/06/1962	Xóm Hợp Tiến	185		Không nghèo
2	LƯU VIỆT ĐẠI	1	19/09/1983	Xóm Hợp Tiến	140	20	Cận nghèo
3	LƯU VIỆT QUỲNH	1	21/11/1991	Xóm Hợp Tiến	140	20	Cận nghèo
4	NGUYỄN VĂN QUÝ	1	22/02/1983	Xóm Hợp Tiến	130	20	Cận nghèo
<b>III</b>	<b>Hộ gia đình có giấy đề nghị qua sàng lọc phiếu A có dưới 4 chỉ tiêu</b>						
1	HOÀNG THỊ NGUYỆT	2	08/02/1989	Xóm Hợp Tiến	75	50	Hộ nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 05 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 02 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Đạo**  
(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MẠC THỊ ĐỊNH	2	19/09/1949	Xóm Đạo	125	10	Hộ cận nghèo
2	BÙI PHỐ CHUÔNG	1	25/12/1949	Xóm Đạo	120	30	Hộ nghèo
3	PHẠM THỊ LÀNH	2	21/10/1946	Xóm Đạo	110	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA DOÃN TƯƠNG	1	04/09/1966	Xóm Đạo	155		Hộ không nghèo
2	BÙI ĐỨC NHUẬN	1	01/08/1957	Xóm Đạo	120	10	Hộ cận nghèo
3	MA THỊ DÍNH	2	10/10/1940	Xóm Đạo	140	10	Hộ cận nghèo
4	MA DOÃN ĐẾN	1	15/09/1935	Xóm Đạo	95	30	Hộ nghèo
5	NGUYỄN VĂN QUÝ	1	25/03/1955	Xóm Đạo	135	10	Hộ cận nghèo
Kết quả phân loại sau khi rà soát		- Có: 03 hộ nghèo; - Có: 04 hộ cận nghèo; - Có: 01 hộ không nghèo.					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Lạc Nhiêu**

(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	TÔNG THỊ PHƯỢNG	2	22/06/1978	Xóm Lạc Nhiêu	130	30	Hộ nghèo
2	PHAN THỊ THẨM	2	01/01/1947	Xóm Lạc Nhiêu	105	30	Hộ nghèo
3	HÀ VĂN HOÀNG	1	10/04/1984	Xóm Lạc Nhiêu	135	10	Hộ cận nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	TRINH VĂN NHƯỢNG	1	20/07/1956	Xóm Lạc Nhiêu	160		Hộ không nghèo
2	BÙI THỊ HỘI	2	25/07/1971	Xóm Lạc Nhiêu	145		Hộ không nghèo
3	TÔNG THỊ CHIÊM	2	01/05/1953	Xóm Lạc Nhiêu	120	10	Hộ cận nghèo
<b>III</b>	<b>Hộ gia đình có giấy đề nghị qua sàng lọc phiếu A có dưới 4 chỉ tiêu</b>						
1	PHẠM THỊ BAN	2	13/08/1986	Xóm Lạc Nhiêu	100	10	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 02 hộ nghèo; - Có: 03 hộ cận nghèo; - Có: 02 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Bục**  
(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA THỊ ẺNG	2	05/07/1946	Xóm Bục	140	30	Hộ nghèo
2	PHAN VĂN ĐÀO	1	07/09/1952	Xóm Bục	90	30	Hộ nghèo
3	PHẠM NGỌC DUY	1	08/08/1994	Xóm Bục	130	30	Hộ nghèo
4	MA DOÃN GIỒNG	1	25/11/1946	Xóm Bục	115	30	Hộ nghèo
5	LÊ THỊ OANH	2	01/11/1955	Xóm Bục	140	30	Hộ nghèo
6	TRẦN THỊ HẬU	2	12/04/1994	Xóm Bục	145		Hộ không nghèo
7	NGUYỄN VĂN TÙNG	1	12/02/1993	Xóm Bục	150		Hộ không nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	PHAN THỊ THÚY	2	07/09/1966	Xóm Bục	125	10	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 05 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 01 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 02 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Bục Việt**  
(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA THỊ THỦY	2	02/09/1960	Xóm Bục Việt	125	30	Hộ nghèo
2	NGUYỄN VĂN TÔN	1	01/08/1948	Xóm Bục Việt	115	30	Hộ nghèo
3	TRẦN THỊ MỚI	2	25/12/1937	Xóm Bục Việt	115	30	Hộ nghèo
4	NGUYỄN THỊ NHUNG	2	20/08/1946	Xóm Bục Việt	130	30	Hộ nghèo
5	MA DOÃN CHUNG	1	20/05/1995	Xóm Bục Việt	175		Hộ không nghèo
6	LÊ THỊ GIAO	2	09/03/1947	Xóm Bục Việt	130	30	Hộ nghèo
7	LÊ ĐÌNH ĐẠT	1	20/11/1984	Xóm Bục Việt	140	30	Hộ nghèo
8	NGUYỄN HUY ĐỘNG	1	21/07/1943	Xóm Bục Việt	115	30	Hộ nghèo
9	MA ĐÌNH TỒN	1	09/12/1938	Xóm Bục Việt	115	30	Hộ nghèo
10	NGUYỄN THỊ HỒNG	2	10/03/1977	Xóm Bục Việt	120	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN VĂN CHÉN	1	25/02/1956	Xóm Bục Việt	130	20	Hộ cận nghèo
2	LÊ THỊ LUYẾN	2	20/10/1964	Xóm Bục Việt	135	20	Hộ cận nghèo
3	LÊ ĐÌNH ĐÊM	1	19/01/1950	Xóm Bục Việt	130	20	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 09 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 01 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Minh Tiến**

(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	ĐOÀN THỊ ĐÀO	2	01/07/1958	Xóm Minh Tiến	120	30	Hộ nghèo
2	TRẦN NGUYỄN SOÁI	1	28/02/1965	Xóm Minh Tiến	110	40	Hộ nghèo
3	ĐỖ THỊ HƯỜNG	2	01/11/1952	Xóm Minh Tiến	100	50	Hộ nghèo
4	PHẠM THỊ THỦY	2	10/08/1965	Xóm Minh Tiến	125	20	Hộ cận nghèo
5	TRẦN HỮU TRI	1	13/02/1949	Xóm Minh Tiến	140	30	Hộ nghèo
6	BÙI THỊ NHÀI	2	23/02/1952	Xóm Minh Tiến	115	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	PHẠM VĂN TÊ	1	15/01/1960	Xóm Minh Tiến	95	10	Hộ cận nghèo
2	TRẦN XUÂN THAO	1	25/10/1962	Xóm Minh Tiến	90	20	Hộ cận nghèo
3	HOÀNG VĂN LONG	1	20/10/1988	Xóm Minh Tiến	100	20	Hộ cận nghèo
4	NGUYỄN THỊ THẨM	2	08/02/1987	Xóm Minh Tiến	110	10	Hộ cận nghèo
5	BÙI VĂN HOA	1	10/04/1949	Xóm Minh Tiến	100	20	Hộ cận nghèo
6	TRẦN THỊ HIỀN	2	01/04/1955	Xóm Minh Tiến	105	10	Hộ cận nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ gia đình có giấy đề nghị qua sàng lọc phiếu A có dưới 4 chỉ tiêu</b>						
1	TRẦN THỊ HỒNG ĐIẾP	2	25/04/1962	Xóm Minh Tiến	115	20	Hộ cận nghèo
Kết quả phân loại sau khi rà soát		- Có: 05 hộ nghèo; - Có: 08 hộ cận nghèo; - Có: 0 hộ không nghèo.					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Quyết Tiến

(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	LÊ XUÂN LŨY	1	09/11/1960	Xóm Quyết Tiến	90	30	Hộ nghèo
2	PHẠM THỊ CAM	2	01/01/1946	Xóm Quyết Tiến	120	30	Hộ nghèo
3	TRẦN THỊ THƯỜNG	2	05/05/1961	Xóm Quyết Tiến	90	40	Hộ nghèo
4	NGUYỄN THỊ BÌNH	2	03/09/1980	Xóm Quyết Tiến			Hộ không nghèo
5	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	1	02/10/1980	Xóm Quyết Tiến			Hộ không nghèo
6	NGUYỄN VĂN HÀNH	1	20/07/1985	Xóm Quyết Tiến	135	30	Hộ nghèo
7	TRẦN VĂN SINH	1	28/01/1977	Xóm Quyết Tiến	140	30	Hộ nghèo
8	PHẠM HỮU PHƯƠNG	1	30/04/1993	Xóm Quyết Tiến	140	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN THỊ HUỆ	2	25/04/1973	Xóm Quyết Tiến	155		Hộ không nghèo
2	HÀ VĂN HIẾU	1	19/09/1988	Xóm Quyết Tiến			Hộ không nghèo
3	PHẠM THỊ HUỆ	2	28/10/1970	Xóm Quyết Tiến			Hộ không nghèo
4	NGUYỄN THỊ THÀNH	2	01/05/1939	Xóm Quyết Tiến	135	20	Hộ cận nghèo
5	NGUYỄN VĂN HOÁN	1	17/10/1960	Xóm Quyết Tiến	155		Hộ không nghèo
6	TRẦN VĂN THỊNH	1	11/09/1980	Xóm Quyết Tiến			Hộ không nghèo
7	HOÀNG MINH THẬP	1	13/12/1971	Xóm Quyết Tiến			Hộ không nghèo
8	NGUYỄN THỊ MÊN	2	15/07/1977	Xóm Quyết Tiến	130	20	Hộ cận nghèo
9	PHẠM THỊ LOAN	2	14/04/1957	Xóm Quyết Tiến	110	20	Hộ cận nghèo
10	NGUYỄN ĐÌNH TÚ	1	01/01/1981	Xóm Quyết Tiến			Hộ không nghèo
11	NGUYỄN MẠNH THẮNG	1	28/02/1957	Xóm Quyết Tiến			Hộ không nghèo
<b>III</b>	<b>Hộ gia đình có giấy đề nghị qua sàng lọc phiếu A có dưới 4 chỉ tiêu</b>						
1	LỤC THỊ THANH	2	31/01/1952	Xóm Quyết Tiến	130	40	Hộ nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 07 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 10 hộ không nghèo.</b>					

BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Phúc Tiến

(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA THỊ AN	2	29/07/1961	Xóm Phúc Tiến	125	30	Hộ nghèo
2	HOÀNG VĂN NHÂM	1	17/07/1952	Xóm Phúc Tiến	110	30	Hộ nghèo
3	HOÀNG VĂN NGUYỄN	1	02/09/1977	Xóm Phúc Tiến	145		Hộ không nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	LƯU THỊ OANH	2	01/10/1962	Xóm Phúc Tiến	115	20	Hộ cận nghèo
2	HOÀNG NGỌC TÂN	1	29/12/1982	Xóm Phúc Tiến	145		Hộ không nghèo
3	LƯU ĐÌNH TÌNH	1	29/01/1961	Xóm Phúc Tiến	115	20	Hộ cận nghèo
4	LƯU VĂN THỦY	1	24/04/1982	Xóm Phúc Tiến	200		Hộ không nghèo
Kết quả phân loại sau khi rà soát		- Có: 02 hộ nghèo; - Có: 02 hộ cận nghèo; - Có: 03 hộ không nghèo.					

BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Tân Tiến**

(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN THANH VIỆT	1	25/09/1957	Xóm Tân Tiến	120	10	Hộ cận nghèo
2	LÊ ĐỨC THIÊN	1	06/01/1983	Xóm Tân Tiến	165		Hộ không nghèo
3	NGUYỄN THỊ CÁI	2	18/08/1940	Xóm Tân Tiến	115	30	Hộ nghèo
4	ĐẶNG THỊ NHƯỜNG	2	30/12/1954	Xóm Tân Tiến	110	30	Hộ nghèo
5	NGUYỄN THANH ĐẠI	1	30/01/1989	Xóm Tân Tiến	140	30	Hộ nghèo
6	NGUYỄN THANH HÀ	1	27/11/1994	Xóm Tân Tiến	130	30	Hộ nghèo
7	NGUYỄN THANH LỢI	1	12/06/1948	Xóm Tân Tiến	100	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN THỊ LOAN	2	04/08/1984	Xóm Tân Tiến	140	10	Hộ cận nghèo
2	LƯU HỒNG HUẾ	2	29/03/1975	Xóm Tân Tiến	135	10	Hộ cận nghèo
3	PHẠM THIÊN TÙNG	1	02/05/1984	Xóm Tân Tiến	170		Hộ không nghèo
4	VŨ VIỆT HIỆU	1	05/01/1974	Xóm Tân Tiến	140	10	Hộ cận nghèo
5	TẠ QUỐC HUY	1	25/03/1983	Xóm Tân Tiến	200		Hộ không nghèo
<b>III</b>	<b>Hộ gia đình có giấy đề nghị qua sàng lọc phiếu A có dưới 4 chỉ tiêu</b>						
1	NGUYỄN VĂN CHUNG	1	12/12/1978	Xóm Tân Tiến	130	30	Hộ nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 06 hộ nghèo; - Có: 04 hộ cận nghèo; - Có: 03 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Đồng Tiến**  
(Kèm theo Thông báo số: 74/TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát			Ghi chú
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại	
A	B	1	2	3	4	5	6	
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>							
1	NGUYỄN THANH CHINH	1	12/09/1962	Xóm Đồng Tiến	130	10	Hộ cận nghèo	
2	NGUYỄN THANH TƯỞI	1	01/10/1972	Xóm Đồng Tiến	135	30	Hộ nghèo	
3	HOÀNG VĂN DŨNG	1	28/06/1986	Xóm Đồng Tiến	140	20	Hộ cận nghèo	
4	HOÀNG VĂN HỌC	1	11/11/1981	Xóm Đồng Tiến	125	30	Hộ nghèo	
5	NÔNG VĂN TUẤN	1	05/11/1956	Xóm Đồng Tiến	115	30	Hộ nghèo	
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>							
1	LƯU THỊ TÂN	2	01/01/1958	Xóm Đồng Tiến	170		Hộ không nghèo	
2	PHẠM VĂN VÂN	1	01/01/1930	Xóm Đồng Tiến			Hộ không nghèo	Đã nhập khẩu vào gia đình người thân
3	NGUYỄN THỊ DÂU	2	01/01/1957	Xóm Đồng Tiến	130	20	Hộ cận nghèo	
4	HOÀNG THỊ BÍCH	2	04/02/1968	Xóm Đồng Tiến	140	20	Hộ cận nghèo	
5	HOÀNG THỊ HIỀN	2	20/10/1948	Xóm Đồng Tiến	125	10	Hộ cận nghèo	
6	HOÀNG THỊ THÙY	2	24/08/1981	Xóm Đồng Tiến	190		Hộ không nghèo	
7	HOÀNG VĂN GIANG	1	01/04/1979	Xóm Đồng Tiến	130	20	Hộ cận nghèo	
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		- Có: 03 hộ nghèo; - Có: 06 hộ cận nghèo; - Có: 03 hộ không nghèo.						

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Lương Tiến**  
(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát			Ghi chú
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại	
A	B	1	2	3	4	5	6	
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (Đang quản lý)</b>							
1	MA THỊ TƯỞI	2	03/02/1947	Xóm Lương Tiến	110	30	Hộ nghèo	
2	LƯU HỒ ĐIỆP	1	04/04/1969	Xóm Lương Tiến			Hộ không nghèo	Hộ không thuộc diện rà soát do không có mặt tại địa phương trên 6 tháng
3	NGUYỄN HỒNG MINH	1	20/10/1958	Xóm Lương Tiến	100	30	Hộ nghèo	
4	MAI THỊ VÂN	2	20/07/1985	Xóm Lương Tiến	110	30	Hộ nghèo	
5	NGUYỄN THỊ HÒA	2	03/01/1941	Xóm Lương Tiến	120	40	Hộ nghèo	
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (Đang quản lý)</b>							
1	LƯƠNG THỊ QUYÊN	2	30/03/1976	Xóm Lương Tiến	135	20	Hộ cận nghèo	
2	NGUYỄN THỊ LIÊN	2	09/07/1961	Xóm Lương Tiến	155		Hộ không nghèo	
3	HOÀNG THỊ TUYẾT	2	15/10/1969	Xóm Lương Tiến	160		Hộ không nghèo	
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		- Có: 04 hộ nghèo; - Có: 01 hộ cận nghèo; - Có: 03 hộ không nghèo.						

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Phú Tiến

(Kèm theo Thông báo số: 74 /TB-UBND ngày 27/10/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	LIU THỊ SEN	2	28/08/1980	Xóm Phú Tiến	115	30	Hộ nghèo
2	LIU THỊ LỢI	2	05/05/1966	Xóm Phú Tiến	155		Hộ không nghèo
3	HOÀNG THỊ KHUÊ	2	10/10/1976	Xóm Phú Tiến	140	10	Hộ cận nghèo
4	VŨ THỊ LỊCH	2	11/08/1967	Xóm Phú Tiến	175		Hộ không nghèo
5	MA HÀ QUỲNH	1	30/10/1988	Xóm Phú Tiến	130	30	Hộ nghèo
6	NGUYỄN CÔNG CƯỜNG	1	10/01/1954	Xóm Phú Tiến	125	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGÔ THỊ ĐÌNH	2	22/05/1957	Xóm Phú Tiến	140	20	Hộ cận nghèo
2	NGUYỄN THỊ NHUNG	2	11/03/1983	Xóm Phú Tiến	190		Hộ không nghèo
3	HỮU THỊ HẠ	2	20/05/1940	Xóm Phú Tiến	150		Hộ không nghèo
4	MA VĂN ƯỚC	1	20/11/1960	Xóm Phú Tiến	175		Hộ không nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 03 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 02 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 05 hộ không nghèo.</b>					

BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	